

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 04 năm 2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Khoa Luật tại tờ trình số 908/KL-ĐBCL ngày 10 tháng 08 năm 2022 về việc điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 08 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của Khoa Luật, bao gồm:

1. Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;
3. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. Chuyên ngành Luật kinh tế;
6. Chuyên ngành Luật quốc tế;
7. Chuyên ngành Pháp luật về quyền con người;
8. Chuyên ngành Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng.

**Điều 2.** Các chương trình đào tạo kể trên áp dụng từ khóa tuyển sinh 2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính và Chủ nhiệm Khoa Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, Y4.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hoàng Hải**



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

(Ban hành theo Quyết định số 2875 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 29 tháng 08 năm 2022  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

**- Tên chuyên ngành đào tạo**

+ Tiếng Việt: Luật dân sự và tố tụng dân sự

+ Tiếng Anh: Civil Law and Civil Procedure

**- Mã số chuyên ngành: 8380101.04**

**- Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Luật

+ Tiếng Anh: Law

**- Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**- Tên văn bằng tốt nghiệp**

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

**- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Khoa Luật, ĐHQGHN.

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Luật chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo những chuyên gia có kiến thức toàn diện, hiện đại, chuyên sâu về các vấn đề lý luận và thực tiễn của khoa học luật dân sự và tố tụng dân sự; có năng lực, kỹ năng và phẩm chất phù hợp để hoàn thành các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động và xã hội. Chương trình đào tạo cũng cung cấp những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

**- Về kiến thức**

Chương trình đào tạo trang bị cho người học những kiến thức toàn diện, ở trình độ nâng cao về lý luận và thực tiễn về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, bao gồm các kiến thức pháp lý về: vật quyền; nghĩa vụ; sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; hôn nhân và gia đình; thừa kế; bồi thường thiệt hại; chứng cứ trong tố tụng dân sự; quản lý nhà nước đối với các hoạt động dân sự; nền tảng tư tưởng và kỹ thuật pháp lý trong



lĩnh vực luật tư...Chương trình cũng nhằm trang bị cho người học tư duy pháp lí mang tính hệ thống để tiếp cận và giải quyết một cách tốt nhất công việc nghiên cứu và thực tiễn.

#### **- Về kĩ năng**

Chương trình đào tạo trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự một cách độc lập, sáng tạo; phân tích, đánh giá các chính sách, pháp luật về dân sự và tổ tụng dân sự của Đảng, Nhà nước; tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện, phổ biến và giáo dục pháp luật; ứng dụng các kiến thức tiếp thu được vào hoạt động thực tiễn trong các cơ quan, tổ chức nơi họ công tác

#### **- Về năng lực**

Với những kiến thức, kĩ năng đã trang bị cho người học, Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để đảm nhận những cương vị công tác như: làm công tác nghiên cứu, tư vấn, quản lí hoặc công tác thực tiễn tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp; giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo, các viện, các trung tâm khoa học...

#### **- Về phẩm chất đạo đức**

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu hình thành hoặc phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật về dân sự và tổ tụng dân sự.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Môn thi tuyển sinh**

- + Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực
- + Môn thi cơ sở: Lí luận chung về nhà nước và pháp luật
- + Môn ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc ngành phù hợp với ngành Luật; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Luật, đã học bổ túc kiến thức để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành có chuyên ngành dự thi;

- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

#### **3.3. Danh mục các ngành phù hợp**

- Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tổ tụng dân sự, Luật Hình sự và tổ tụng hình sự, Luật Kinh tế, Luật Quốc tế, Luật Kinh doanh; Luật Thương mại quốc tế.

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Về kiến thức

**PLO1:** Vận dụng thể giới quan, phương pháp luận của triết học Mác – Lê Nin nhằm giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

**PLO2:** Vận dụng kiến thức cơ sở, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí và ngoại ngữ (năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam) phục vụ cho công việc học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn;

**PLO3:** Vận dụng tổng hợp kiến thức chuyên ngành đặc biệt là những kiến thức chuyên sâu về: Vật quyền; luật nghĩa vụ; pháp luật sở hữu trí tuệ; pháp luật hôn nhân gia đình; pháp luật thừa kế ... và tư duy pháp lí hệ thống để giải quyết các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

**PLO4:** Phân tích, đánh giá, phân biện các quy định, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; tiếp nhận, phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

### 2. Về kĩ năng

#### 2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

**PLO5:** Áp dụng pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác; Nhận thức, phân tích, tổng hợp, đánh giá đúng các vấn đề pháp lí để tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, giải quyết những vấn đề thực tế hoặc giả định phức tạp liên quan đến luật dân sự và tố tụng dân sự;

**PLO6:** Phát hiện, dự báo những vấn đề về lí luận và thực tiễn liên quan đến pháp luật dân sự và tố tụng dân sự để: Tổ chức nghiên cứu; thảo luận, đánh giá, phân biện; truyền đạt tri thức dựa trên kết quả nghiên cứu; tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu; so sánh với lí luận và thực tiễn nước ngoài để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam;

**PLO7:** Tư vấn pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự; đề xuất các kiến nghị, giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc thực thi, xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự.

#### 2.2. Kĩ năng bổ trợ

**POL8:** Tra cứu, cập nhật thông tin, tài liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học;

**PLO9:** Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách logic, sáng tạo.

### 3. Về phẩm chất đạo đức

**PLO10: Phẩm chất đạo đức cá nhân:** Chuẩn mực trong lời nói và hành vi; thân thiện, hợp tác, cầu thị với đồng nghiệp, đối tác và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc; dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.



**PLO11: Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp:** Thực hiện các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của một luật gia; thúc đẩy các nguyên lý và giá trị của pháp luật, đạo đức, công lý, công bằng và nhân đạo trong thực tiễn công tác; bản lĩnh, trung thực, khách quan, chuyên nghiệp, nghiêm túc, sáng tạo và có trách nhiệm với công việc được giao;

**PLO12: Phẩm chất đạo đức xã hội:** Tự tôn dân tộc, ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân; bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; đấu tranh với những sai phạm, những biểu hiện tiêu cực và vi phạm pháp luật.

#### **4. Mức tự chủ và trách nhiệm**

**PLO13:** Nghiên cứu, phát hiện, tư vấn và đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề lý luận, thực tiễn phát sinh thuộc chuyên ngành đào tạo; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn và bảo vệ được các kết luận đó;

**PLO14:** Thích nghi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hướng dẫn người khác phát triển năng lực chuyên môn;

**PLO15:** Xây dựng, thẩm định kế hoạch, quản lý hoạt động chuyên môn; nhận định, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

#### **5. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chuyên ngành Luật dân sự & Tố tụng dân sự định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- *Nhóm 1:* Công tác tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ở trung ương hoặc địa phương; các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhóm 2:* Hành nghề độc lập hoặc làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp như các doanh nghiệp/công ty/văn phòng: luật; công chứng; thừa phát lại; quản lý và thanh lý tài sản... trong và ngoài nước; làm chuyên viên pháp chế/tư vấn viên tại các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

- *Nhóm 3:* Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật);

- *Nhóm 4:* Làm việc cho các tổ chức phi Chính phủ, liên Chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

#### **6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

**PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	<b>60 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	<b>8 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>37 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i> :	<b>18 tín chỉ</b>
+ <i>Tự chọn</i> :	<b>19/39 tín chỉ</b>
- Luận văn:	<b>15 tín chỉ</b>

**2. Khung chương trình đào tạo**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>08</b>				
1	PHI5002	Triết học ( <i>Philosophy</i> )	4	30	5	10	
2		Ngoại ngữ cơ bản * ( <i>Basic Foreign Language</i> )					
	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản ( <i>Basic English</i> )		35	15	10	
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản ( <i>Basic Russian</i> )		35	15	10	
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản ( <i>Basic French</i> )	4	35	15	10	
	GER5001	Tiếng Đức cơ bản ( <i>Basic German</i> )		35	15	10	
	CHI5001	Tiếng Trung cơ bản ( <i>Basic Chinese</i> )		35	15	10	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>37</b>				
<b>II.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>18</b>				
3	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý ( <i>Legal research methods</i> )	2	18	6	6	
4	CIL6040	Vật quyền ( <i>Real rights</i> )	3	27	9	9	
5	CIL6041	Pháp luật về quyền nhân thân ( <i>Law of extra-patrimonial rights</i> )	2	18	6	6	
6	CIL6042	Luật hợp đồng so sánh ( <i>Comparative contract law</i> )	2	18	6	6	
7	CIL6043	Pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng ( <i>Law of Industrial property rights and plants variety rights</i> )	2	18	6	6	
8	CIL6044	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự ( <i>Evidence and proof in civil procedure</i> )	2	18	6	6	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
9	CIL6045	Lý thuyết chung về luật nghĩa vụ (General theory of obligation law)	3	27	9	9	
10	CIL6047	Pháp luật về quyền tác giả (Law of Copyright)	2	18	6	6	
<b>II.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>19</b>				
11	CIL6046	Lý thuyết về nguồn của luật dân sự (Theory of civil law sources)	3	27	9	9	
12	CIL6070	Pháp luật về giao dịch bảo đảm (Law on secured transactions)	2	18	6	6	
13	CIL6071	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Law of tort liability)	2	18	6	6	
14	CIL6049	Chế độ tài sản của vợ chồng (Matrimonial property regime)	2	18	6	6	
15	CIL6050	Pháp luật thi hành án dân sự (Law of civil judgment enforcement)	2	18	6	6	
16	CIL6051	Ly hôn và hậu quả pháp lý của ly hôn (Divorce and its legal consequences)	2	18	6	6	
17	CIL6052	Áp dụng bộ luật dân sự trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại và lao động (Application of the Civil Code to business, commercial and labor dispute resolution)	3	24	9	12	
18	CIL6053	Pháp luật về thừa kế (Inheritance law)	2	18	6	6	
19	CIL6054	Pháp luật về pháp nhân (Law of Legal persons)	3	27	9	9	
20	CIL6055	Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ. (Intellectual property dispute resolution)	2	18	6	6	
21	CIL6056	Pháp luật về đại diện. (Agency law)	2	18	6	6	
22	CIL6057	Pháp luật về hợp đồng vận chuyển (Law of transportation contracts)	2	18	6	6	
23	CIL6058	Pháp luật về hợp đồng thuê (Law of leasing)	2	18	6	6	
24	CIL6059	Pháp luật về hợp đồng lập hội (Law of Contracts to form associations)	2	18	6	6	
25	CIL6060	Tổ tụng dân sự so sánh (Comparative civil procedure)	2	18	6	6	
26	CIL6061	Luật hôn nhân gia đình so sánh. (Comparative marriage and family law)	2	18	6	6	
27	CIL6062	Pháp luật về hợp đồng cộng đồng (Law of collective contracts)	2	18	6	6	
28	CIL6063	Luật La Mã chuyên sâu (Advanced Roman Law)	2	18	6	6	
IV	CIL7202	Luận văn thạc sĩ	15				
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>			